

Thứ sáu, ngày 6 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Giăng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/12/2019		•	
Tuần 9/12-13/12/2019		•	
Tháng 12/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index chỉ tăng điểm nhẹ những phút đầu phiên sáng trước khi giảm điểm trước áp lực của các mã bluechips như VNM, VIC, BID. Đến phiên chiều, chỉ số chìm trong sắc đỏ khi VCB, VNM, GAS nổi rộng đà giảm. Thị trường có phiên giảm điểm mạnh đi ngược với xu hướng chung trong khu vực. Với việc đề mất hàng loạt các mốc hỗ trợ quan trọng trong thời gian ngắn, VN-Index đang lùi về vùng giá thấp trong năm. Với trạng thái thiếu thông tin hỗ trợ trong và ngoài nước trong giai đoạn này, nhiều khả năng chỉ số sẽ vận động trong kênh giá 950 – 970 điểm trong tuần tới.

Hợp đồng tương lai: HDTL có sự phân hóa về giá. VN30F1912 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2001 và VN30F2003 đang tăng. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 06/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt 1.7%. 11/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - tốt hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.7%**, con số này của VNINDEX là 0.0%.

Phân tích kỹ thuật: DRC_Tích lũy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.29 điểm**, đóng cửa 963.56. HNX-Index **+0.13 điểm**, đóng cửa 102.50.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.62); SAB (+0.22); CTG (+0.22); MSN (+0.17); NVL (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.75); BID (-0.41); HVN (-0.24); VJC (-0.15); TCB (-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,784 tỷ đồng**, **-10.6%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.42 điểm. Thị trường có 156 mã tăng, 74 mã giảm và 154 mã tham chiếu.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **38.76 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (63.74 tỷ), MSN (29.91 tỷ) và VHM (18.66 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **3.12 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

963.56

Giá trị: 2781.99 tỷ

0.29 (0.03%)

Khối ngoại (ròng): -38.76 tỷ

HNX-INDEX

102.50

Giá trị: 174.46 tỷ

0.13 (0.13%)

Khối ngoại (ròng): 3.12 tỷ

UPCOM-INDEX

55.92

Giá trị: 157.72 tỷ

0.06 (0.11%)

Khối ngoại(ròng): 5.81 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.4	-0.10%
Giá vàng	1,474	-0.16%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,726	0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,336	0.13%
LS liên NH 1 tháng	4.1%	2.10%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-10.64%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
ROS	29.0	VNM	-63.8
HPG	21.4	MSN	-29.9
HVN	15.3	VHM	-18.7
HDG	12.2	VRE	-9.5
CTG	11.4	STB	-7.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **11/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - tốt hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.7%**, con số này của VNINDEX là 0.0%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **6/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_1.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.7%	1.8%	2.1%	4.1%	-0.1%	15.3%	56.3%	14.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	1.2%	0.1%	-5.5%	-1.1%	-3.6%	-7.4%	-4.7%	17.2%
Xây dựng	1.1%	0.5%	-8.2%	-8.9%	-12.0%	-14.9%	21.4%	18.0%
Nước & Năng lượng	0.9%	-0.1%	-2.9%	-2.0%	-3.8%	6.7%	50.3%	14.1%
BDS & Khu công nghiệp	0.4%	-0.6%	-4.2%	-0.9%	1.5%	4.0%	55.6%	16.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.4%	-0.6%	-6.5%	0.5%	7.1%	9.6%	82.5%	16.0%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	0.0%	-2.8%	3.6%	4.2%	5.6%	9.7%	18.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	-0.5%	-7.0%	3.3%	14.7%	21.7%	122.0%	18.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	-1.1%	-5.6%	-0.9%	1.3%	3.9%	81.7%	13.8%
Hàng tiêu dùng	0.1%	-1.9%	-9.3%	-5.7%	-1.8%	-0.6%	52.9%	17.3%
Dầu khí	0.0%	-1.9%	-6.2%	-2.7%	-6.4%	-2.7%	20.1%	22.2%
FTSE Việt Nam	0.0%	-0.7%	-5.2%	-0.2%	2.8%	5.7%	85.9%	14.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	-0.5%	-8.2%	-0.3%	7.8%	6.4%	67.7%	17.0%
Ngân hàng	-0.1%	-0.9%	-7.1%	5.0%	14.8%	6.3%	85.0%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.1%	-0.7%	-7.4%	3.6%	5.2%	-2.4%	40.4%	19.9%
Lãi suất giảm	-0.2%	-1.3%	-5.6%	-2.8%	-5.0%	-2.5%	50.2%	17.8%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-1.7%	-2.6%	-3.8%	-7.9%	2.0%	18.1%	15.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.4%	-0.9%	-8.3%	-1.6%	1.7%	-0.9%	64.8%	14.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.5%	-2.2%	-6.2%	1.6%	-9.8%	-15.1%	48.7%	21.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 10	1.0%	0.3%	-6.0%	-4.3%	-0.3%	1.1%	45.6%	16.7%
Danh mục 5	0.6%	-0.7%	-4.6%	0.9%	1.5%	12.3%	68.0%	17.4%
Danh mục 12	0.5%	1.3%	-3.8%	2.2%	8.1%	17.1%	84.4%	18.7%
Danh mục 11	-0.3%	-1.7%	-9.4%	-2.2%	0.7%	9.0%	77.3%	19.1%
Danh mục 15	-0.4%	-1.8%	-8.6%	-3.2%	1.9%	-1.4%	54.8%	18.0%
* Note	6/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 22	1.0%	0.3%	-5.7%	1.2%	10.0%	15.9%	62.1%	16.5%
Danh mục 23	0.7%	0.2%	-4.1%	3.5%	1.4%	25.1%	115.6%	18.7%
Danh mục 19	0.2%	-1.9%	-5.0%	0.7%	9.6%	15.5%	57.8%	15.5%
Danh mục 24	0.0%	0.8%	-6.3%	-0.6%	6.7%	27.5%	96.4%	20.1%
Danh mục 21	-0.1%	-1.5%	-6.9%	0.2%	7.8%	8.3%	60.9%	15.7%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	0.0%	-0.7%	-5.9%	-0.7%	1.0%	1.3%	42.6%	15.6%
VN30INDEX	0.1%	-0.8%	-6.8%	-0.3%	1.7%	-4.5%	36.8%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/6/2019

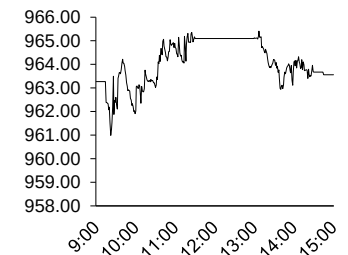
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

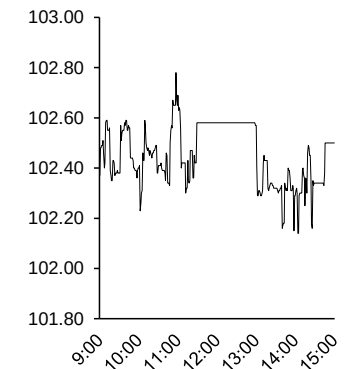
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-0.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.6%
Bảo hiểm	-0.4%
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%
Truyền thông	-0.2%
Ngân hàng	-0.1%
Dịch vụ tài chính	0.0%
Viễn thông	0.0%
Bất động sản	0.1%
Dầu khí	0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Bán lẻ	0.3%
Y tế	0.6%
Ô tô và phụ tùng	0.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.7%
Hóa chất	0.9%
Tài nguyên Cơ bản	2.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DRC_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: ở dưới mốc 50.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: DRC đang trong quá trình tích lũy ngắn hạn sau khi đã điều chỉnh nhẹ từ vùng kháng cự xung quanh 24.5. Thanh khoản trong những phiên gần đây có chiều hướng giảm thể hiện sự e ngại của các nhà giao dịch trước diễn biến xấu của thị trường chung. Chỉ báo MACD hiện đang có histogram dương cho thấy tiềm năng có thể xuất hiện sự hồi phục. Tuy vậy, các đường EMA chưa xuất hiện Golden Cross đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa vượt qua được mốc 50 nên xu hướng đi ngang có thể duy trì trong vài ngày nữa. Nếu động lực tăng giá quay trở lại với sự đồng thuận của thanh khoản, DRC có tiềm năng chinh phục lại đỉnh cũ tại giá 24.5 trước khi hướng đến vùng kháng cự mạnh hơn tại khu vực xung quanh 26.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC điều chỉnh ước tính năm 2019, DT và LNST của DRC đạt 3,906 tỷ đồng (+10% yoy) và LNST đạt 197 tỷ đồng (+40% yoy) tương đương EPS = 1,450 đồng, PE fwd = 15.4x dựa trên dự báo sản lượng Radial tăng 54% yoy, sản lượng bias giảm nhẹ -9% yoy, biên LNG gộp ở mức 12.8% nhờ vào (1) tiết giảm chi phí nguyên vật liệu, (2) biên LNG của Radial cải thiện từ mức 2.6% năm 2018 lên mức 6.8% do DN tăng giá bán (3) biên lớp Bias đi ngang so với cùng kỳ ở mức 23.4%. Kế hoạch trả cổ tức 9%, so với mức thị giá ngày 15/10/2019 thì tỷ lệ cổ tức/thị giá = 4%. Chúng tôi sử dụng phương pháp DCF cho mảng core kinh doanh (wacc = 15%), giá trị hợp lý DRC vào khoảng 28,381 đồng/cp.

Cập nhật KQKD

Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biên LNG cải thiện từ 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express DRC 2019Q4

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 06/12/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 06/12	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.30	-0.29%	0.30%	3.46%	13.22%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	63.00	-0.19%	-0.19%	2.05%	4.90%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.62	0.55%	-3.77%	-0.33%	13.07%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1476.90	0.02%	1.41%	-0.90%	19.33%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.96	0.47%	0.22%	-3.73%	17.21%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	897.00	0.25%	0.50%	-3.46%	13.98%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	529.12	-0.99%	-3.37%	2.39%	4.72%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.37	0.10%	-4.86%	-4.25%	40.57%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	173.60	3.70%	1.76%	10.50%	22.43%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.08	0.15%	1.08%	4.14%	3.48%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.13	0.00%	0.00%	-3.40%	7.56%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	123.95	2.78%	4.56%	14.77%	23.15%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.64	0.22%	-0.64%	-0.71%	-3.59%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3800.00	5.47%	-3.04%	5.56%	1.93%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1758.00	-0.45%	-0.34%	-2.93%	-9.19%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	88.00	0.57%	0.57%	7.98%	29.41%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.43	-0.79%	-2.96%	-0.49%	-31.86%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent tăng 39 US cent tương đương 0.6% lên 63.39 USD/thùng. Giá dầu WTI giữ tại mức 58.43 USD/thùng, không thay đổi so với phiên trước đó.
- Giá dầu tăng nhẹ, mặc dù OPEC và các đồng minh lên kế hoạch cắt giảm sản lượng sâu nhất trong thập kỷ này, để ngăn chặn tình trạng dư cung dầu thô. OPEC+ cắt giảm sản lượng sâu thêm 500,000 thùng/ngày (bpd) trong quý đầu tiên của năm 2020, trong khi mức cắt giảm hiện tại của OPEC+ đến tháng 3/2020 là 1.2 triệu bpd. Như vậy, tổng cắt giảm sẽ là 1.7 triệu bpd, chiếm 1.7% nguồn cung toàn cầu.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.2% lên 1,477.12 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York tăng 0.2% lên 1,483.1 USD/ounce. Giá vàng tăng do sự không chắc chắn từ những thông tin trái chiều về các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung, làm lu mờ số liệu kinh tế tích cực ngoài Mỹ.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm 0.5% sau 2 phiên tăng liên tiếp. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 0.6% xuống 3,585 CNY/tấn, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.7% lên 3,619 CNY (514.14 USD)/tấn. Dự trữ thép cuộn cán nóng tại Trung Quốc tính đến ngày 29/11/2019 giảm xuống còn 2.04 triệu tấn, thấp nhất kể từ ngày 18/1/2019. Hoạt động nhà máy của nước này trong tháng 11/2019 cũng bắt đầu tăng.

Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 9.3 JPY tương đương 4.9% lên 198 JPY (1.82 USD)/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su tháng 5/2020 tăng 455 CNY lên 13,200 CNY (1,875 USD)/tấn. Giá cao su tại Tokyo tăng gần 5% lên mức cao nhất hơn 5 tháng, do giá cao su kỳ hạn trên sàn Thượng Hải tăng mạnh đã thúc đẩy hoạt động mua vào, trong bối cảnh lạc quan mới về các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung, sau những bình luận tích cực từ Tổng thống Mỹ Donald Trump. Giá cao su tăng cũng được hỗ trợ bởi nội các Thái Lan đã phê duyệt kế hoạch cắt giảm 21% diện tích trồng cao su trong 20 năm và thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu tăng gấp hơn 3 lần.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE tăng 0.03 US cent tương đương 0.2% lên 13.09 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 1.3 USD tương đương 0.4% lên 347.9 USD/tấn. Giá đường tăng cao nhất 9 tháng do hoạt động đẩy mạnh mua vào và nguồn cung thắt chặt. Đồng thời, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE tăng 2.65 US cent tương đương 2.2% lên 1.239 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 22 USD tương đương 1.6% lên 1,392 USD/tấn.

- Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam giảm còn 345 USD/tấn, giảm so với mức 345-350 USD/tấn, trong khi đó gạo Thái Lan dao động từ 397-410 USD/tấn so với mức 395- 409 USD/tấn, và gạo Ấn Độ giảm còn 356-361 USD/tấn, mức thấp nhất kể từ 1/2017 so với 358-362 USD/tấn tuần trước.

- Giá gạo tại nước xuất khẩu hàng đầu - Ấn Độ - giảm xuống mức thấp nhất 3 năm do nhu cầu yếu và nguồn cung từ vụ thu hoạch hè dồi dào, trong khi giá gạo tại Việt Nam giảm. Nhu cầu tiêu thụ gạo Thái chậm chạp trong khi nguồn từ vụ mới dồi dào.

CON CHÓ CHẶN CỪU

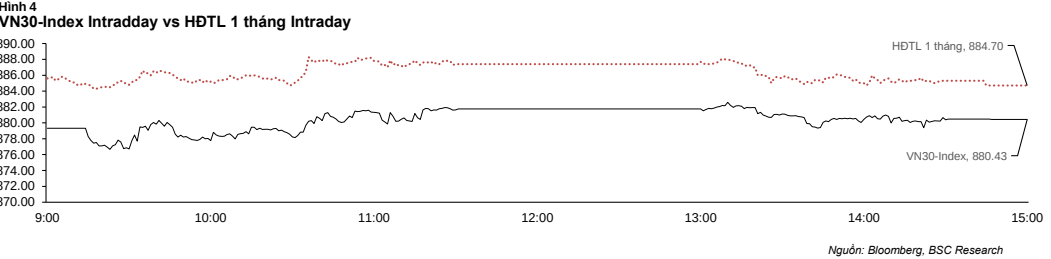
Một người lạ đến một ngôi làng nhỏ. Anh ta muốn làm quen với mọi người nên đã đi đến sân làng. Nhìn thấy một người cùng với một con chó chăn cừu trông có vẻ hung hãn.

Anh ta ngập ngừng nhìn con chó một lúc và hỏi người đàn ông nọ: “Chó của ông có cắn không?”. Người đó nói: “Không”. Thế là anh ta cúi xuống tính xoa đầu con chó. Bất ngờ, con chó lao tới cắn anh ta. Trong khi sửa lại chiếc áo bị xé rách từng mảnh, anh ta quay sang người đàn ông và trách móc: “Tại sao ông nói con chó của ông không cắn?”. Người đàn ông trả lời: “Đó có phải là chó của tôi đâu”.

Và đây chính là bài học cho các nhà đầu tư: Hãy biết nghi ngờ những gì nhìn thấy và cần biết đặt đúng câu hỏi. Trong đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư cần phải hiểu một cách rõ ràng tại sao họ lại sở hữu một cổ phiếu nào đó. Hiểu được đặc tính của một cổ phiếu và vai trò của nó trong một danh mục sẽ làm tăng cơ hội lựa chọn được tài sản ổn định để nắm giữ lâu dài.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	884.70	-0.03%	4.27	-3.9%	67658	12/19/2019	13
VN30F2001	887.20	0.14%	6.77	15.2%	190	1/16/2020	41
VN30F2003	889.00	0.23%	8.57	-53.1%	30	3/19/2020	104
VN30F2006	893.30	-0.30%	12.87	-44.4%	25	6/18/2020	195

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 1.11 điểm lên mức 880.43 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, MSN, NVL, EIB, và ROS tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực lên gần 882 điểm trong phiên sáng trước khi điều chỉnh giảm, tích lũy trên 880 điểm trong phiên chiều. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy tại vùng giá 880-895 điểm trong những phiên tiếp theo.
- HDTL có sự phân hóa về giá. VN30F1912 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2001 và VN30F2003 đang tăng. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1905	SSI	12/30/2019	24	1:1	420,840	226.2%	1.0 triệu	24.62%	3,300	1,310	48.86%	1,090.00	1.20
CHPG1908	MBS	1/22/2020	47	2:1	42,080	1.7%	2.0 triệu	24.62%	1,450	1,980	22.22%	1,752.00	1.13
CDPM1901	KIS	1/9/2020	34	1:1	153,960	32.5%	1.5 triệu	27.22%	1,900	780	13.04%	150.60	5.18
CGMD1901	MBS	4/28/2020	144	2.83:1	11,000	-37.0%	1.5 triệu	17.88%	1,680	1,000	11.11%	150.90	6.63
CHPG1907	SSI	4/22/2020	138	1:1	97,360	75.4%	1.0 triệu	24.62%	4,200	4,740	10.75%	3,525.30	1.34
CMWG1902	VND	12/11/2019	5	4:1	112,630	270.0%	2.4 triệu	22.10%	2,990	4,800	5.49%	5,214.60	0.92
CTCB1901	MBS	1/17/2020	42	2:1	29,970	-16.7%	2.0 triệu	21.17%	1,680	790	5.33%	280.60	2.82
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	47	5:1	3,080	-90.1%	1.5 triệu	21.64%	2,220	1,550	3.33%	950.10	1.63
CVIC1902	SSI	4/22/2020	138	1:1	11,600	-1.3%	1.0 triệu	16.68%	22,700	16,670	1.52%	6,300.00	2.65
CMBB1903	SSI	4/22/2020	138	1:1	41,010	-27.3%	3.0 triệu	17.09%	4,000	2,710	0.37%	1,036.40	2.61
CHPG1902	KIS	12/11/2019	5	5:1	1,538,980	33.5%	6.0 triệu	24.62%	1,000	20	0.00%	-	-
CMWG1907	HSC	4/8/2020	124	10:1	157,930	-13.5%	5.0 triệu	22.10%	1,900	910	0.00%	177.10	5.14
CREE1902	SSI	1/22/2020	47	1:1	18,180	48.3%	1.0 triệu	22.73%	5,600	2,800	0.00%	1,280.60	2.19
CVNM1901	KIS	12/13/2020	373	10:1	871,870	-12.3%	5.0 triệu	18.33%	1,200	20	0.00%	-	-
CVRE1902	HSC	4/8/2020	124	4:1	22,090	-76.0%	5.0 triệu	22.51%	1,300	1,480	0.00%	838.80	1.76
CFPT1903	SSI	12/30/2019	24	1:1	35,940	21.9%	2.0 triệu	20.95%	6,000	10,450	-0.19%	10,005.80	1.04
CMBB1902	HSC	12/17/2019	11	1:1	30,110	16.3%	1.0 triệu	17.09%	3,200	2,000	-0.99%	300.70	6.65
CMBB1906	VND	1/9/2020	34	2:1	17,580	-65.3%	3.0 triệu	17.09%	2,100	1,300	-1.52%	977.30	1.33
CNVL1901	KIS	2/7/2020	63	4:1	43,010	2029.2%	5.0 triệu	17.41%	1,900	1,090	-1.80%	78.10	13.96
CSTB1901	KIS	1/9/2020	34	1:1	115,860	396.2%	1.5 triệu	19.50%	1,390	540	-5.26%	25.10	21.51
CVNM1905	MBS	4/28/2020	144	10:1	7,670	-77.0%	1.5 triệu	18.33%	2,500	1,500	-25.00%	238.00	6.30
CMWG1906	MBS	12/16/2019	10	5:1	207,830	281.1%	3.0 triệu	22.10%	2,850	100	-28.57%	2.70	37.04
Tổng:					3,990,580		49.90 triệu	20.93%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 06/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CMWG1906 và CVNM1905 giảm mạnh nhất lần lượt tại mức -28.57 và -25.00. Trái lại, CHPG1905 và CHPG1908 tăng mạnh nhất lần lượt là 48.86% và 22.22%. Thanh khoản thị trường tăng 55.23%. CHPG1902 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 32.66% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1903 và CMWG1905 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	23.85	3.25	1.71
MSN	62.50	0.81	0.32
NVL	57.00	0.88	0.26
EIB	16.95	0.89	0.22
ROS	25.00	2.04	0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	116.3	-1.27	-1.04
VJC	144.4	-0.69	-0.36
TCB	23.2	-0.43	-0.31
GMD	22.8	-2.15	-0.17
STB	10.0	-0.50	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1905	93,300	23,100	23,850
CHPG1908	23,400	20,500	23,850
CDPM1901	15,888	13,988	13,100
CGMD1901	29,682	24,928	22,800
CHPG1907	25,200	21,000	23,850
CMWG1902	92,990	90,000	110,800
CTCB1901	26,860	23,500	23,150
CPNJ1902	90,100	79,000	82,200
CVIC1902	137,700	115,000	115,900
CMBB1903	26,000	22,000	21,850
CHPG1902	166,285	41,999	23,850
CMWG1907	144,000	125,000	110,800
CREE1902	41,600	36,000	36,000
CVNM1901	46,340	156,285	116,300
CVRE1902	37,700	32,500	34,600
CFPT1903	51,140	45,140	55,000
CMBB1902	23,700	21,800	21,850
CMBB1906	24,200	20,000	21,850
CNVL1901	69,688	62,088	57,000
CSTB1901	12,278	10,888	10,000
CVNM1905	151,800	126,800	116,300
CMWG1906	135,150	120,900	110,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.8	0.2%	0.7	2,133	2.3	8,321	13.3	4.3	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	82.2	0.2%	0.9	795	0.6	4,839	17.0	4.4	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	65.8	-0.6%	1.3	2,005	0.3	1,889	34.8	2.9	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.5	0.0%	0.7	317	0.0	2,801	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.9	0.1%	1.0	16,975	0.7	1,589	72.9	5.0	15.0%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.6	0.3%	1.1	3,503	7.1	1,228	28.2	2.8	32.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.0	0.9%	0.8	2,352	1.5	3,187	17.9	2.6	7.2%	15.5%
REE	Bất động sản	36.0	0.0%	1.0	485	0.6	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.9	0.0%	1.5	318	0.2	3,215	4.3	0.8	45.4%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.5	-0.5%	1.4	431	0.5	1,769	11.0	1.0	55.6%	9.4%
VCI	Chứng khoán	31.5	-3.4%	1.0	225	0.1	5,067	6.2	1.4	37.4%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.9	0.4%	1.5	317	0.4	1,287	18.6	1.7	57.3%	10.2%
FPT	Công nghệ	55.0	0.2%	0.8	1,622	1.3	4,688	11.7	2.7	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	98.0	0.0%	1.6	8,155	0.4	5,886	16.7	4.1	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.4	0.2%	1.5	2,920	0.0	3,467	16.3	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.2	0.0%	1.7	357	0.4	2,062	8.3	0.7	21.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.2	1.1%	0.8	1,240	0.3	1,163	7.9	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.6	-0.4%	0.5	532	0.0	4,535	20.6	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.1	2.3%	0.8	223	0.1	650	20.2	0.7	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.8	-0.1%	0.6	156	0.0	625	10.9	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	84.9	0.1%	1.3	13,691	0.9	5,274	16.1	3.9	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	39.7	-0.9%	1.6	6,934	0.6	2,109	18.8	2.4	17.9%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.3	1.0%	1.6	3,286	1.6	1,641	12.4	1.0	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.6	0.0%	1.2	2,051	0.6	3,341	5.9	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.9	0.0%	1.1	2,209	1.3	3,261	6.7	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.0	0.0%	1.1	1,657	0.7	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	48.4	-1.5%	0.8	172	0.1	5,073	9.5	1.6	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.4	0.0%	0.2	134	0.0	4,603	6.8	1.1	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.4	0.0%	1.3	619	0.0	732	19.7	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.9	3.2%	1.0	2,863	7.3	2,526	9.4	1.4	37.9%	17.4%
HSG	Thép	8.0	0.5%	1.6	148	1.2	890	9.0	0.6	17.4%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	116.3	-1.3%	0.7	8,805	4.8	5,527	21.0	7.4	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.0	0.5%	0.8	6,496	0.3	7,365	31.6	8.4	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	62.5	0.8%	1.2	3,176	4.4	4,512	13.9	2.2	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.3%	0.6	476	0.9	440	42.4	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	75.5	2.0%	0.8	7,146	0.0	2,630	28.7	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	144.4	-0.7%	1.1	3,289	2.4	9,850	14.7	5.6	19.7%	43.3%
HAV	Vận tải	35.2	-1.7%	1.7	2,168	0.9	1,747	20.1	2.8	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	22.8	-2.1%	0.8	294	0.3	1,949	11.7	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.9	0.3%	0.6	207	0.1	2,571	6.6	1.1	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	77.9	-0.3%	0.9	542	0.4	8,338	9.3	3.9	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	0.0%	0.7	359	0.0	1,398	13.2	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	0.0%	0.8	246	0.1	1,912	7.7	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	65.4	2.7%	0.7	217	0.2	9,842	6.6	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.1	0.0%	1.0	520	0.2	1,557	17.4	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.0	1.3%	0.4	248	0.1	1,845	12.5	1.1	51.3%	8.8%
POW	Điện	12.7	0.0%	0.6	1,288	0.3	820	15.4	1.2	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.5	-0.2%	0.6	282	0.1	2,721	8.3	1.5	19.1%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	23.85	3.25	0.61	7.13MLN
SAB	233.00	0.52	0.23	33170.00
CTG	20.30	1.00	0.22	1.85MLN
MSN	62.50	0.81	0.17	1.62MLN
NVL	57.00	0.88	0.14	595210.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	29.70	10.00	0.20	837900.00
NET	50.50	9.54	0.06	78800.00
PGS	31.50	3.62	0.04	700.00
KLF	1.50	7.14	0.02	604000.00
MBG	33.10	2.48	0.02	187600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	116.30	-1.27	-0.76	937120.00
BID	39.65	-0.88	-0.41	374930.00
HVN	35.15	-1.68	-0.25	582610.00
VJC	144.40	-0.69	-0.16	385820.00
TCB	23.15	-0.43	-0.10	509280.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHN	8.90	-7.29	-0.09	4400.00
HUT	2.40	-4.00	-0.02	261200.00
TNG	14.60	-2.67	-0.02	358500.00
S99	7.60	-5.00	-0.02	500.00
PHP	9.80	-4.85	-0.02	2300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	10.70	7.00	0.00	10.00
PXI	2.91	6.99	0.00	156370.00
ST8	19.15	6.98	0.01	20.00
TSC	2.76	6.98	0.01	2.30MLN
SVC	40.65	6.97	0.02	620.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.40	33.3	0.00	189500.00
DGC	29.70	10.0	0.20	837900.00
QNC	2.20	10.0	0.00	200.00
SD2	4.40	10.0	0.00	14700.00
STC	14.50	9.9	0.00	500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	4.82	-6.95	0.00	90.00
RDP	7.50	-6.95	-0.01	20.00
HRC	44.20	-6.95	-0.03	200.00
TTB	5.11	-6.92	-0.01	247500.00
UDC	4.18	-6.90	0.00	120.00

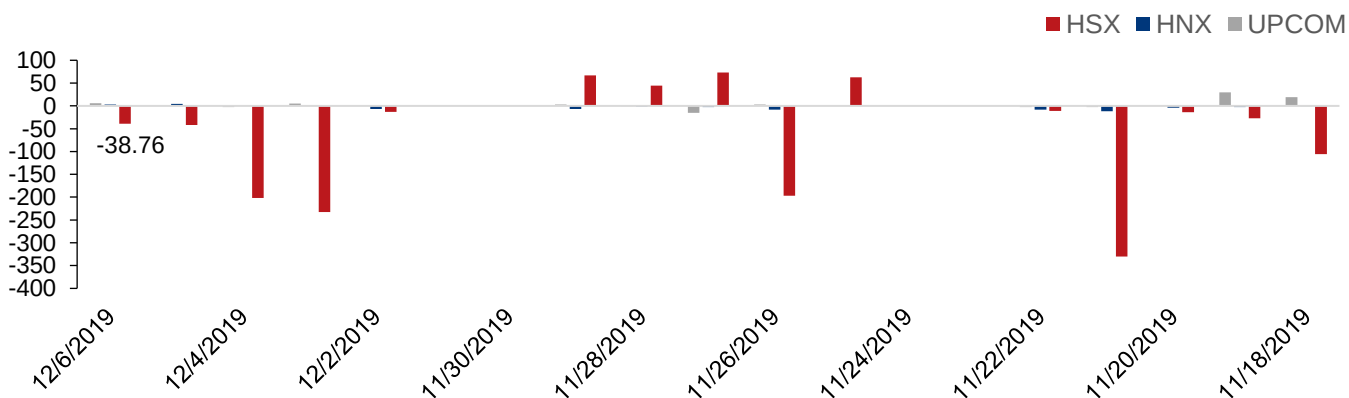
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAD	21.40	-18.94	-0.01	21500.00
MAC	5.60	-9.68	-0.01	3600.00
HBE	10.40	-9.57	0.00	4300.00
MCO	2.00	-9.09	0.00	100.00
VC1	10.00	-9.09	0.00	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	119.9	6,216	19.3	7.3	Click
2	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	84.9	5,274	16.1	3.9	Click
3	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	32.4	9,530	3.4	1.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	55.0	4,688	11.7	2.7	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.6	3,491	6.8	1.1	Click
6	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.3	2,246	8.1	0.9	Click
7	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	41.3	3,678	11.2	0.8	Click
8	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	62.5	4,512	13.9	2.2	Click
9	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	116.3	5,527	21.0	7.4	Click
10	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.7	2,887	7.5	1.5	Click
11	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.0	5,614	6.4	1.1	Click
12	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.5	14,958	5.3	1.5	Click
13	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.3	2,279	3.7	0.5	Click
14	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.0	3,585	6.4	1.5	Click
15	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.4	1,079	12.4	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	84.9	5,274	16.1	3.9	Click
17	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.8	1,723	13.2	1.7	Click
18	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	21.9	3,261	6.7	1.3	Click
19	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	59.9	2,801	21.4	3.5	Click
20	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	22.8	1,949	11.7	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quý khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 góp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 73500 ; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm se đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa co nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129000 Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129500 BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mệ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 280000 ; Giá tại Publish 260000 BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn